

Số: 48 /2024/QĐ-UBND

Thái Bình, ngày 13 tháng 12 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế quản lý, sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách Xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác ban hành kèm theo Quyết định số 24/2017/QĐ-UBND ngày 12/12/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04 tháng 10 năm 2002 của Chính phủ về tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác;

Căn cứ Nghị định số 100/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Nhà ở về quản lý và phát triển nhà ở xã hội;

Căn cứ Quyết định số 22/2023/QĐ-TTg ngày 17 tháng 8 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về tín dụng đối với người chấp hành xong án phạt tù;

Căn cứ Thông tư số 11/2017/TT-BTC ngày 08 tháng 02 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định về quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác;

Căn cứ Quyết định số 24/2017/QĐ-UBND ngày 12/12/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy chế quản lý, sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 460/TTr-STC ngày 12 tháng 11 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế quản lý, sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác ban hành kèm theo Quyết định số 24/2017/QĐ-UBND ngày 12 tháng 12 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh như sau:

1. Sửa đổi, bổ sung Điều 7 như sau:**“Điều 7. Đối tượng vay vốn**

1. Hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo theo quyết định của cấp có thẩm quyền phê duyệt từng thời kỳ.

2. Đối tượng được hưởng chính sách hỗ trợ về nhà ở xã hội, gồm có:

- Người có công với cách mạng, thân nhân liệt sĩ thuộc trường hợp được hỗ trợ cải thiện nhà ở theo quy định của Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng.

- Hộ gia đình nghèo, cận nghèo tại khu vực nông thôn.

- Hộ gia đình nghèo, cận nghèo tại khu vực nông thôn thuộc vùng thường xuyên bị ảnh hưởng bởi thiên tai, biến đổi khí hậu.

- Hộ gia đình nghèo, cận nghèo tại khu vực đô thị.

- Người thu nhập thấp tại khu vực đô thị.

- Công nhân, người lao động đang làm việc tại doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trong và ngoài khu công nghiệp.

- Sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, hạ sĩ quan thuộc lực lượng vũ trang nhân dân, công nhân công an, công chức, công nhân và viên chức quốc phòng đang phục vụ tại ngũ; người làm công tác cơ yếu, người làm công tác khác trong tổ chức cơ yếu hưởng lương từ ngân sách nhà nước đang công tác.

- Cán bộ, công chức, viên chức theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức, viên chức.

3. Người chấp hành xong án phạt tù; cơ sở sản xuất kinh doanh bao gồm doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ kinh doanh có sử dụng lao động là người chấp hành xong án phạt tù theo Quyết định số 22/2023/QĐ-TTg ngày 17 tháng 8 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về tín dụng đối với người chấp hành xong án phạt tù.

4. Các đối tượng chính sách khác theo quy định tại Điều 2 Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04 tháng 10 năm 2002 của Chính phủ.

5. Các đối tượng chính sách khác do Hội đồng nhân dân tỉnh quy định.”



2. Sửa đổi, bổ sung Điều 8 như sau:

“Điều 8. Mục đích sử dụng vốn vay

1. Mua sắm vật tư, thiết bị; giống cây trồng, vật nuôi; cải tạo ao, chuồng, thanh toán các dịch vụ phục vụ sản xuất kinh doanh.
2. Góp vốn thực hiện các dự án hợp tác sản xuất, kinh doanh được cấp có thẩm quyền phê duyệt (nếu có).
3. Mua, thuê mua nhà ở xã hội, nhà ở cho lực lượng vũ trang nhân dân; xây dựng hoặc cải tạo, sửa chữa nhà ở.
4. Chi phí cho việc học tập, sinh hoạt của người chấp hành xong án phạt tù trong thời gian theo học tại các trường đại học (hoặc tương đương đại học), cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp và các cơ sở giáo dục nghề nghiệp được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật Việt Nam. Chi phí để sản xuất, kinh doanh, tạo việc làm đối với người chấp hành xong án phạt tù, cơ sở kinh doanh bao gồm doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ kinh doanh có sử dụng lao động là người chấp hành xong án phạt tù”.

3. Sửa đổi Điều 10 như sau:

“Điều 10. Thời hạn cho vay

Thời hạn vay vốn theo Nghị định của Chính phủ; Quyết định của Thủ tướng Chính phủ và hướng dẫn của Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam đối với từng chương trình tín dụng tại thời điểm cho vay.”

4. Sửa đổi, bổ sung điểm a, điểm c khoản 6 Điều 15 như sau:

“Điều 15. Về quản lý và sử dụng lãi thu được từ hoạt động cho vay nguồn vốn ngân sách cấp tỉnh, cấp huyện uỷ thác

6. Nội dung chi, mức chi cho công tác chỉ đạo, quản lý, tổng hợp, giám sát, kiểm tra, khen thưởng

a) Nội dung chi:

- Chi hội nghị tập huấn nghiệp vụ, sơ kết, tổng kết các hoạt động uỷ thác vốn cho vay qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay theo các nội dung quy định tại văn bản này.

- Chi công tác tuyên truyền, hướng dẫn các hoạt động uỷ thác vốn cho vay qua Ngân hàng Chính sách xã hội theo các nội dung quy định tại văn bản này.

- Chi mua sắm dụng cụ văn phòng phục vụ công tác cho vay từ nguồn vốn ngân sách uỷ thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội.

- Chi khen thưởng cho các đơn vị, cá nhân cho các đơn vị có nhiều thành tích trong công tác quản lý vốn cho vay, sử dụng vốn vay hiệu quả và các khoản chi khác theo quy định.

c) Giao Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh, Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội cấp huyện có trách nhiệm quản lý, sử dụng nguồn kinh phí và thanh quyết toán đảm bảo theo chế độ quy định của nhà nước hiện hành. Số kinh phí được giao quản lý sử dụng trong năm còn lại được chuyển sang năm sau để tiếp tục theo dõi, quản lý và sử dụng.”

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 26 tháng 12 năm 2024.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, các Giám đốc Sở, Thủ trưởng các ban, ngành thuộc tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / *Sơ*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Tài chính;
- Cục kiểm tra văn bản QPPL – Bộ Tư pháp;
- Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể thuộc tỉnh;
- Kho bạc Nhà nước Thái Bình;
- NHCSXH tỉnh;
- Thường trực Hội đồng nhân dân huyện, thành phố;
- Ủy ban nhân dân huyện, thành phố;
- Báo Thái Bình, Công báo tỉnh, Cổng thông tin điện tử Thái Bình;
- LĐVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KHTC

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Quang Hưng

